



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~142~~ /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày ~~31~~ tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết mẫu hồ sơ báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 và Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết mẫu hồ sơ báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP), dự án đầu tư kinh doanh.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Áp dụng Mẫu và Phụ lục

1. Mẫu báo cáo đánh giá:

a) Mẫu số 1A được sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với dự án đầu tư kinh doanh quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 2 Luật Đấu thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 1B được sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với dự án đầu tư kinh doanh quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 2 Luật Đấu thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 1C được sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với dự án PPP áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh.

2. Mẫu báo cáo thẩm định:

a) Mẫu số 2A được sử dụng để lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu đối với dự án đầu tư kinh doanh;

b) Mẫu số 2B được sử dụng để lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu đối với dự án PPP;

c) Mẫu số 2C được sử dụng để lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh;

d) Mẫu số 2D được sử dụng để lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án PPP.

3. Đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng thủ tục mời quan tâm, hình thức chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (trường hợp có yêu cầu lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất), phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất được thực hiện trên cơ sở chỉnh sửa các Mẫu báo cáo đánh giá quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu và các Nghị định quy định chi tiết.

4. Đối với dự án PPP áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (trường hợp có yêu cầu lập báo cáo đánh giá), việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất được thực hiện trên cơ sở chỉnh sửa các Mẫu báo cáo đánh giá quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, bảo

đảm không trái với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP) và các Nghị định quy định chi tiết.

5. Đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (trường hợp có yêu cầu lập hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu hoặc thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư), phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, việc lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện trên cơ sở chỉnh sửa các Mẫu báo cáo thẩm định quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này, bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu và các Nghị định quy định chi tiết.

6. Đối với dự án PPP áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (trường hợp có yêu cầu lập hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu hoặc thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư), việc lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện trên cơ sở chỉnh sửa các Mẫu báo cáo thẩm định quy định tại điểm b và điểm d khoản 2 Điều này, bảo đảm không trái với quy định của Luật PPP và các Nghị định quy định chi tiết.

7. Các Phụ lục

- a) Phụ lục 1: Biên bản đóng thầu;
- b) Phụ lục 2A: Biên bản mở thầu (đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ và dự án PPP);
- c) Phụ lục 2B: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);
- d) Phụ lục 2C: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);
- đ) Phụ lục 3: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- e) Phụ lục 4: Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- g) Phụ lục 5: Bản cam kết.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2026.

2. Sửa đổi, bổ sung mục 11 Mẫu Thông báo mời quan tâm Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia như sau:

“11. Nhà đầu tư quan tâm, có nhu cầu đăng ký thực hiện dự án nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.”.

3. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với dự án đầu tư kinh doanh, dự án PPP đã được phát hành báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư, báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh báo cáo đó theo các mẫu báo cáo được ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đối với dự án đầu tư kinh doanh, dự án PPP đang trong quá trình thẩm định hồ sơ mời thầu nhưng chưa phát hành báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, việc lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

c) Đối với dự án đầu tư kinh doanh, dự án PPP đã mở thầu và đang trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu nhưng chưa phát hành báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

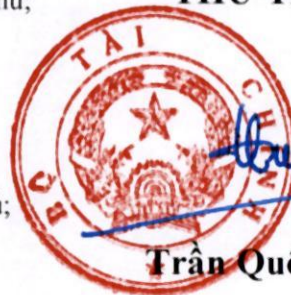
d) Đối với dự án đầu tư kinh doanh, dự án PPP đang trong quá trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư nhưng chưa phát hành báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư, việc lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Tài chính để kịp thời hướng dẫn./. *JK*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLĐT *(100b)*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

MẪU SỐ 1A

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

(Đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

*(Kèm theo Thông tư số 142/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

PHẦN I
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ DỰ THẦU

Tên Dự án:

Tên Bên mời thầu hoặc Tổ chuyên gia:

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)
Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư	Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư)
	Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư)

Số: _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi Bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án và căn cứ pháp lý

a) Phần này nêu khái quát về dự án và các văn bản pháp lý là cơ sở để thực hiện dự án:

- Dự án: _____ [Ghi tên và tóm tắt về dự án];
- Cơ quan có thẩm quyền: _____ [Ghi tên cơ quan có thẩm quyền];
- Bên mời thầu: _____ [Ghi tên bên mời thầu];
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư _____ [Ghi tên hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư];
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư: _____ [Ghi thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư];
- Các mốc thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư: _____ [Ghi theo Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư đã được người có thẩm quyền phê duyệt và thời gian thực tế thực hiện đối với dự án đầu tư kinh doanh].

Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê tại phụ lục và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.

b) Thông tin đóng thầu

- Thời điểm đóng thầu, gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có);
- Các nhà đầu tư nộp HSDT theo đúng quy định: _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư].
- Các nhà đầu tư nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư nộp HSDT].
- Các nhà đầu tư rút HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ [Ghi

¹ Ghi tên bên mời thầu trong trường hợp bên mời thầu thành lập hoặc giao nhiệm vụ, ghi tên đơn vị tư vấn thành lập đối với trường hợp bên mời thầu thuê tư vấn đánh giá HSDT.

tên, địa chỉ các nhà đầu tư rút HSDT].

- Các nhà đầu tư có văn bản đề nghị sửa đổi HSDT (nếu có): _____ [*Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư có văn bản đề nghị sửa đổi HSDT*].

c) Thông tin mở thầu

- Tên nhà đầu tư;

- Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ;

- Thời gian có hiệu lực của HSDT; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu;

- Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất:

+ *Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất trong đơn dự thầu (đối với trường hợp áp dụng tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất);*

+ *Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu;*

+ *Đề xuất tăng hoặc giảm giá trị giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất và giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu (nếu có).*

- Đối với dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và không sử dụng đất:

+ *Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu.*

+ *Đề xuất tăng hoặc giảm của giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu (nếu có).*

- Các vấn đề trong quá trình mở thầu cần xử lý tình huống (nếu có).

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập Tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được _____ [*Ghi tên Bên mời thầu*] thành lập theo Quyết định số _____ [*Ghi số và ngày ban hành văn bản*] để thực hiện đánh giá HSDT thuộc dự án _____ [*Ghi tên dự án*].

Trường hợp Bên mời thầu thuê đơn vị tư vấn đấu thầu đánh giá HSDT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [*Ghi số hiệu hợp đồng*] ngày [*Ghi thời gian ký hợp đồng*] giữa [*Ghi tên Bên mời thầu*] và _____ [*Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu*] về việc thuê tổ chức đơn vị đánh giá HSDT của dự án _____ [*Ghi tên dự án*].

b) Thành phần Tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong Tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong Tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc của Tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của Tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của Tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong Tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

Đính kèm vào báo cáo đánh giá: Bản chụp Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tổ chuyên gia theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HSDT

1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Tổ chuyên gia ghi kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSDT do Bên mời thầu thực hiện (lập theo Mẫu số 1A).

2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

a) Trên cơ sở kiểm tra các thành phần của HSDT (lập theo Mẫu số 1B), đánh giá tính hợp lệ của từng HSDT (lập theo Mẫu số 2), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

STT	Tên nhà đầu tư	Kết luận (Đáp ứng, không đáp ứng)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSDT không hợp lệ (kể cả sau khi nhà đầu tư bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có)).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư (nếu có).

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (kể cả trường hợp nhà đầu tư tự bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có))

3. Kết quả đánh giá chi tiết HSDT

a) Trên cơ sở đánh giá chi tiết HSDT của từng nhà đầu tư (*lập theo Mẫu số 3A, 3B, 3C, 3D, 04 và 05*), kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

STT	Tên nhà đầu tư	Điểm đánh giá năng lực (T ₁)	Điểm đánh giá phương án đầu tư kinh doanh (T ₂)	Điểm đánh giá hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương (T ₃)	Điểm tổng hợp $T_{TH}=T_1+T_2+T_3$	Điểm tổng hợp sau khi tính ưu đãi (nếu có) $T_{TH}^*=T_{TH}+T_{TH} \times M_{UD}$	Xếp hạng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)

b) Thuyết minh các trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu về điểm tối thiểu

Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư.

c) Các nội dung làm rõ HSDT (nếu có).

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (kể cả trường hợp nhà đầu tư tự bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có)).

Ghi chú: Trường hợp không có nhà đầu tư nào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì xóa cột (7).

III. TRÌNH DUYỆT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSĐT, Tổ chuyên gia trình bên mời thầu các nội dung sau đây:

- 1. Danh sách xếp hạng nhà đầu tư;*
- 2. Danh sách nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại nhà đầu tư.*
- 3. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình thì phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý.*
- 4. Những nội dung cần lưu ý (nếu có).*

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: Nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

STT	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của Tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

KIỂM TRA SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN GỐC VÀ BẢN CHỤP¹

STT	Tên nhà đầu tư	Kết quả kiểm tra			Ghi chú
		Thống nhất	Không thống nhất		
			Bản gốc	Bản chụp	

Trường hợp thống nhất thì đánh dấu X vào ô "Thống nhất", trường hợp không thống nhất thì nêu rõ nội dung không thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Bên mời thầu thực hiện nội dung này.

KIỂM TRA CÁC THÀNH PHẦN CỦA HSDT

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có”.

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐT

HSĐT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét ⁽³⁾	Ghi chú
		Đáp ứng	Không đáp ứng		
KẾT LUẬN⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng” (trường hợp đáp ứng sau khi bổ sung, làm rõ thì nêu rõ tại cột Ghi chú tương ứng), nếu đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng”.

(3) Đưa ra nhận xét, lý do về việc HSĐT của nhà đầu tư đáp ứng hay không đáp ứng đối với mỗi tiêu chí theo yêu cầu của HSMT.

(4) HSĐT được kết luận là ĐÁP ỨNG hoặc KHÔNG ĐÁP ỨNG theo quy định của HSMT.

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC (T₁)

HSDT của nhà đầu tư:

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾			ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH (T₂)

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾			ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

Mẫu số 3C

ĐÁNH GIÁ VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT (T₃)⁽⁴⁾
(Áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất)

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾			ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Trường hợp là dự án đầu tư có sử dụng đất áp dụng tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất thì bỏ mẫu số 03D của Mẫu Báo cáo đánh giá này.

Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có).

Mẫu số 3D

ĐÁNH GIÁ VỀ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC, ĐỊA PHƯƠNG (T₃)⁽⁴⁾
(Áp dụng đối với dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực)

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾			ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Đối với dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực thì bỏ Mẫu số 03C của Mẫu Báo cáo đánh giá này.

Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có).

Mẫu số 04

XÁC ĐỊNH ĐIỂM ƯU ĐÃI (NẾU CÓ)

<i>STT</i>	<i>Nhà đầu tư⁽¹⁾</i>	<i>Điểm tổng hợp $T_{TH}=T_1+T_2+T_3$</i>	<i>Mức ưu đãi (M_{UD}) (%)</i>	<i>Điểm ưu đãi $T_{TH} \times M_{UD}$</i>
<i>1</i>				
<i>..</i>	<i>...</i>		<i>...</i>	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với dự án đầu tư kinh doanh, nhà đầu tư được hưởng ưu đãi khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật Đầu thầu và các văn bản quy định chi tiết.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HSDT

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung	Điểm
1	Điểm đánh giá về năng lực (T_1)	
2	Điểm đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh (T_2)	
3	Điểm đánh giá về hiệu quả sử dụng đất (T_3) ⁽¹⁾	
4	Điểm đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương (T_3) ⁽²⁾	
5	Điểm tổng hợp: $T_{TH}=T_1+T_2+T_3$	
6	Điểm tổng hợp sau ưu đãi: $T'_{TH}=T_{TH}+T_{TH}\times M_{UD}$ ⁽³⁾	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú.

(1) Trường hợp là dự án đầu tư có sử dụng đất áp dụng tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng đất thì bỏ số thứ tự 4

(2) Trường hợp là dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP và dự án quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP thì bỏ số thứ tự 3

(3) Trường hợp nhà đầu tư không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì bỏ số thứ tự 6

PHẦN II: DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

STT	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
I	Công bố dự án đầu tư kinh doanh	
1	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với trường hợp dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư)	
2	Văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư (đối với trường hợp dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	
I	Chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
1	Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư	
2	Quyết định phê duyệt HSMT, kèm theo HSMT được duyệt	
3	Văn bản thành lập Tổ chuyên gia	
4	Quy chế làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có)	
5	Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên trong Tổ chuyên gia	
6	Bản cam kết của các thành viên Tổ chuyên gia	
II	Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư	
1	Thông báo mời thầu	
2	Văn bản yêu cầu làm rõ HSMT của nhà đầu tư (nếu có)	
3	Văn bản làm rõ HSMT (nếu có)	
4	Văn bản sửa đổi HSMT (nếu có)	
5	Biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	
6	Văn bản cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có), kèm theo thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	
7	Tài liệu xác nhận nhà đầu tư nộp HSDT	
8	Biên bản đóng thầu	
9	Biên bản mở thầu	
III	Đánh giá HSDT	
1	Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDT của các nhà đầu tư	
2	Tài liệu yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và tài liệu làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có)	
3	Các tài liệu khác có liên quan (nếu có)	

MẪU SỐ 1B

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

(Đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo
phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

*(Kèm theo Thông tư số 142/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

PHẦN I
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Tên Dự án:

Tên Bên mời thầu hoặc Tổ chuyên gia:

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)
Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư	Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư)
	Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư)

[TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ¹]
TỔ CHUYÊN GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi Bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án và căn cứ pháp lý

a) Khái quát về dự án

- Người có thẩm quyền;
- Bên mời thầu;
- Tên và tóm tắt về dự án:

Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê tại phụ lục và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.

b) Thông tin đóng thầu

- Thời điểm đóng thầu, gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có);
- Các nhà đầu tư nộp HSDT theo đúng quy định: _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư].
- Các nhà đầu tư nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư nộp HSDT].
- Các nhà đầu tư rút HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư rút HSDT].
- Các nhà đầu tư có văn bản đề nghị sửa đổi HSDT (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư có văn bản đề nghị sửa đổi HSDT].

c) Thông tin mở thầu

- Tên nhà đầu tư;
- Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ;
- Thời gian có hiệu lực của HSDT; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu;

¹ Ghi tên bên mời thầu trong trường hợp bên mời thầu thành lập hoặc giao nhiệm vụ, ghi tên đơn vị tư vấn thành lập đối với trường hợp bên mời thầu thuê tư vấn đánh giá HSDT.

- Các vấn đề trong quá trình mở thầu cần xử lý tình huống (nếu có).

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập Tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được ____ [*Ghi tên Bên mời thầu*] thành lập theo Quyết định số ____ [*Ghi số và ngày ban hành văn bản*] để thực hiện đánh giá HSDT thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*].

Trường hợp Bên mời thầu thuê đơn vị tư vấn đấu thầu đánh giá HSDT thì bổ sung nội dung sau:

*Căn cứ hợp đồng số [*Ghi số hiệu hợp đồng*] ngày [*Ghi thời gian ký hợp đồng*] giữa [*Ghi tên Bên mời thầu*] và ____ [*Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu*] về việc thuê tổ chức đơn vị đánh giá HSDT của dự án ____ [*Ghi tên dự án*].*

b) Thành phần Tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong Tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong Tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc của Tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của Tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của Tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong Tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

Đính kèm vào báo cáo đánh giá: Bản chụp Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tổ chuyên gia theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HSDXKT

1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Tổ chuyên gia ghi kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSDT do Bên mời thầu thực hiện (lập theo Mẫu số 1A).

2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT

a) Trên cơ sở kiểm tra các thành phần của HSDXKT (*lập theo Mẫu số 1B*), đánh giá tính hợp lệ của từng HSDXKT (*lập theo Mẫu số 2*), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXKT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

STT	Tên nhà đầu tư	Kết luận (Đạt, không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSDXKT không hợp lệ (kể cả sau khi nhà đầu tư bổ sung, làm rõ HSDXKT (nếu có)).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDXKT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư (nếu có).

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDXKT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDXKT của nhà đầu tư (kể cả trường hợp nhà đầu tư tự bổ sung, làm rõ HSDXKT (nếu có)).

3. Kết quả đánh giá chi tiết HSDXKT

a) Trên cơ sở đánh giá chi tiết HSDXKT của từng nhà đầu tư (*lập theo Mẫu số 3A, 3B, 4*), kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

STT	Tên nhà đầu tư	Điểm năng lực (T_1)	Điểm phương án đầu tư kinh doanh (T_2)	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu về điểm tối thiểu

Phần này thuyết minh chi tiết về việc nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu.

c) Các nội dung làm rõ HSDT (nếu có).

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (kể cả trường hợp nhà đầu tư tự bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có)).

III. TRÌNH DUYỆT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSĐXKT, Tổ chuyên gia trình bên mời thầu các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;
2. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSĐXKT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSĐXKT; đề xuất biện pháp xử lý.

[Trường hợp nội dung này không có thì ghi KHÔNG CÓ]

3. Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: Nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

STT	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của Tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

**KIỂM TRA SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN GỐC VÀ BẢN CHỤP¹
CỦA HSDXKT**

STT	Tên nhà đầu tư	Kết quả kiểm tra			Ghi chú
		Thống nhất	Không thống nhất		
			Bản gốc	Bản chụp	

Trường hợp thống nhất thì đánh dấu X vào ô "Thống nhất", trường hợp không thống nhất thì nêu rõ nội dung không thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Bên mời thầu thực hiện nội dung này.

KIỂM TRA CÁC THÀNH PHẦN CỦA HSDXKT

HSDXKT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có”.

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXKT

HSĐXKT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét ⁽³⁾	Ghi chú
		Đạt	Không đạt		

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “đạt” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đạt” (trường hợp đáp ứng sau khi bổ sung, làm rõ thì nêu rõ tại cột Ghi chú tương ứng), nếu đánh giá là “không đạt” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đạt”.

(3) Đưa ra nhận xét, lý do về việc HSĐXKT của nhà đầu tư đáp ứng hay không đáp ứng đối với mỗi tiêu chí theo yêu cầu của HSMT.

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC (T₁)

HSDXKT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾			ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH (T₂)

HSDXKT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾			ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HSĐXKT

HSĐXKT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung	Điểm
1	Điểm đánh giá về năng lực (T_1)	
2	Điểm đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh (T_2)	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN II
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

Tên Dự án:

Tên Bên mời thầu hoặc Tổ chuyên gia:

[TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ]
TỔ CHUYÊN GIA

Số: _____ (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

Dự án _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi Bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ của _____ [ghi tên Bên mời thầu] về việc phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, bao gồm:

[Liệt kê danh sách nhà đầu tư theo quyết định phê duyệt].

2. Thông tin mở thầu

Phần này ghi rõ các thông tin dưới đây:

- Thời gian và địa điểm mở HSDXTC;
- Tên nhà đầu tư;
- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDXTC;
- Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất:
 - + *Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất trong đơn dự thầu (đối với trường hợp áp dụng tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất);*
 - + *Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu;*
 - + *Đề xuất tăng hoặc giảm giá trị giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất và giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu (nếu có).*
- Đối với dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và không sử dụng đất:
 - + *Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh*

¹ Ghi tên bên mời thầu trong trường hợp bên mời thầu thành lập hoặc giao nhiệm vụ, ghi tên đơn vị tư vấn thành lập đối với trường hợp bên mời thầu thuê tư vấn đánh giá HSDT.

vực, địa phương trong đơn dự thầu.

+ Đề xuất tăng hoặc giảm của giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu (nếu có).

- Các vấn đề trong quá trình mở thầu cần xử lý tình huống (nếu có).

- Các vấn đề trong quá trình mở HSDXTC cần xử lý tình huống (nếu có).

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSDXTC

1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Tổ chuyên gia nêu kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSDXTC do Bên mời thầu thực hiện (lập theo Mẫu số 1A).

2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC

a) Trên cơ sở kiểm tra các thành phần của HSDXTC (lập theo Mẫu số 1B), đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXTC (lập theo Mẫu số 2), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXTC được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

STT	Tên nhà đầu tư	Kết luận (Đáp ứng/Không đáp ứng)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSDXTC không hợp lệ (kể cả sau khi nhà đầu tư bổ sung, làm rõ HSDXTC (nếu có)).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDXTC (nếu có).

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDXTC của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDXTC của nhà đầu tư liên quan đến tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDXTC (nếu có).

3. Kết quả đánh giá về tài chính

a) Trên cơ sở đánh giá chi tiết HSDXTC của từng nhà đầu tư về hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương (T3) (lập theo Mẫu số 3A, 3B), kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

STT	Tên nhà đầu tư	Điểm đánh giá hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương (T ₃)	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu về điểm tối thiểu

Phần này thuyết minh chi tiết về việc nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu.

c) Các nội dung làm rõ HSDT (nếu có).

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (kể cả trường hợp nhà đầu tư tự bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có)).

III. XÁC ĐỊNH ĐIỂM TỔNG HỢP

a) Trên cơ sở đánh giá HSDT của Tổ chuyên gia, kết quả xác định điểm tổng hợp (lập theo Mẫu số 4, 5) được tổng hợp theo **Bảng số 4** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 4

STT	Tên nhà đầu tư	Điểm kỹ thuật T_{KT}	Điểm T_3	Điểm tổng hợp $T_{TH} = T_{KT} + T_3$	Điểm tổng hợp sau khi tính ưu đãi (nếu có) $T'_{TH} = T_{TH} + T_{TH} \times M_{UD}$	Xếp hạng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

b) Thuyết minh các trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu về điểm tối thiểu

Phần này thuyết minh chi tiết về việc nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu.

c) Các nội dung làm rõ HSDT (nếu có).

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (kể cả trường hợp nhà đầu tư tự bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có)).

Ghi chú: Trường hợp không có nhà đầu tư nào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì xóa cột (6).

IV. TRÌNH DUYỆT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSDXTC, Tổ chuyên gia trình bên mời thầu các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà đầu tư được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà đầu tư.

2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình thì phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý.

3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đề xuất biện pháp xử lý.

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]

V. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: Nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

STT	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của Tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

**KIỂM TRA SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN GỐC VÀ BẢN CHỤP¹
CỦA HSDXTC**

STT	Tên nhà đầu tư	Kết quả kiểm tra			Ghi chú
		Thống nhất	Không thống nhất		
			Bản gốc	Bản chụp	

Trường hợp thống nhất thì đánh dấu X vào ô "Thống nhất", trường hợp không thống nhất thì nêu rõ nội dung không thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Bên mời thầu thực hiện nội dung này.

KIỂM TRA CÁC THÀNH PHẦN CỦA HSDXTC

HSDXTC của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có”.

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXTC

HSĐXTC của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét ⁽³⁾	Ghi chú
		Đáp ứng	Không đáp ứng		
KẾT LUẬN⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng” (trường hợp đáp ứng sau khi bổ sung, làm rõ thì nêu rõ tại cột Ghi chú tương ứng), nếu đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng”.

(3) Đưa ra nhận xét, lý do về việc HSĐXKT của nhà đầu tư đáp ứng hay không đáp ứng đối với mỗi tiêu chí theo yêu cầu của HSMT.

(4) HSĐXKT được kết luận là ĐÁP ỨNG hoặc KHÔNG ĐÁP ỨNG theo quy định của HSMT.

Mẫu số 3A

ĐÁNH GIÁ VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT (T₃)⁽⁴⁾
(Áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất)

HSDXKT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾			ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Trường hợp là dự án đầu tư có sử dụng đất áp dụng tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất thì bỏ mẫu số 03B của Mẫu Báo cáo đánh giá này.

Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có).

Mẫu số 3B

ĐÁNH GIÁ VỀ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC, ĐỊA PHƯƠNG (T₃)⁽⁴⁾
(Áp dụng đối với dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực)

HSDXKT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾			ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Đối với dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực thì bỏ Mẫu số 03A của Mẫu Báo cáo đánh giá này.

Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có).

XÁC ĐỊNH ĐIỂM ƯU ĐÃI (NẾU CÓ)

<i>STT</i>	<i>Nhà đầu tư⁽¹⁾</i>	<i>Điểm tổng hợp</i> $T_{TH}=T1+T2+T3$	<i>Mức ưu đãi</i> (M_{UD}) (%)	<i>Điểm ưu đãi</i> $T_{TH} \times M_{UD}$
			...	

Ghi chú:

(1) Đối với dự án đầu tư kinh doanh, nhà đầu tư được hưởng ưu đãi khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật Đầu thầu và các văn bản quy định chi tiết.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HSDT

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung	Điểm
1	Điểm đánh giá về năng lực (T_1)	
2	Điểm đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh (T_2)	
3	Điểm đánh giá về hiệu quả sử dụng đất (T_3) ⁽¹⁾	
4	Điểm đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương (T_3) ⁽²⁾	
5	Điểm tổng hợp: $T_{TH}=T_1+T_2+T_3$	
6	Điểm tổng hợp sau ưu đãi: $T'_{TH}=T_{TH}+T_{TH} \times M_{UD}$ ⁽³⁾	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú.

(1): Trường hợp là dự án đầu tư có sử dụng đất áp dụng tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng đất thì bỏ số thứ tự 4

(2) Trường hợp là dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực thì bỏ số thứ tự 3

(3) Trường hợp nhà đầu tư không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì bỏ số thứ tự (6).

PHẦN III: DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

ST T	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
I	Công bố dự án đầu tư kinh doanh	
1	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với trường hợp dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư)	
2	Văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư (đối với trường hợp dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	
I	Chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
1	Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư	
2	Quyết định phê duyệt HSMT, kèm theo HSMT được duyệt	
3	Văn bản thành lập Tổ chuyên gia	
4	Quy chế làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có)	
5	Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên trong Tổ chuyên gia	
6	Bản cam kết của các thành viên Tổ chuyên gia	
II	Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư	
1	Thông báo mời thầu	
2	Văn bản yêu cầu làm rõ HSMT của nhà đầu tư (nếu có)	
3	Văn bản làm rõ HSMT (nếu có)	
4	Văn bản sửa đổi HSMT (nếu có)	
5	Biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	
6	Văn bản cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có), kèm theo thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	
7	Tài liệu xác nhận nhà đầu tư nộp HSDT	
8	Biên bản đóng thầu	
9	Biên bản mở thầu	
III	Đánh giá HSDT	
1	Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDT của các nhà đầu tư	
2	Tài liệu yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và tài liệu làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có)	
3	Các tài liệu khác có liên quan (nếu có)	

MẪU SỐ 1C

**MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ DỰ THẦU**

(Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư)

*(Kèm theo Thông tư số 142/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

PHẦN I
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ DỰ THẦU

Tên Dự án:

Tên Bên mời thầu hoặc Tổ chuyên gia:

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Luật PPP	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15)
Nghị định số 243/2025/NĐ-CP	Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
Nghị định số 257/2025/NĐ-CP	Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao.

[TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ¹]
TỔ CHUYÊN GIA

Số: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Dự án _____ [*Ghi tên dự án*]

Kính gửi: _____ [*Ghi tên cơ quan có thẩm quyền*]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án và căn cứ pháp lý

a) Khái quát về dự án

- Tên dự án: _____
- Loại hợp đồng dự án: _____
- Tên cơ quan có thẩm quyền: _____
- Tên cơ quan ký kết hợp đồng: _____
- Tên đơn vị chuẩn bị dự án/Tên nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án): _____
- Mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án: _____
- Yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp : _____
- Tổng mức đầu tư; vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (nếu có) : _____
- Dự kiến tiến độ triển khai dự án gồm: _____
- Thời gian xây dựng, chuyển giao công trình dự án (đối với dự án BT): _____
- Thời hạn hợp đồng dự án: _____
- Phương thức thanh toán (đối với dự án BT): _____
- Giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán (đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất)/Giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước (đối với dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước): _____

Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê tại phụ lục và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.

b) Thông tin đóng thầu

¹ Ghi tên bên mời thầu trong trường hợp bên mời thầu thành lập hoặc giao nhiệm vụ, ghi tên đơn vị tư vấn thành lập đối với trường hợp bên mời thầu thuê tư vấn đánh giá HSĐT.

- Thời điểm đóng thầu, gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có);
- Các nhà đầu tư nộp HSDT theo đúng quy định: _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư].
- Các nhà đầu tư nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư nộp HSDT].
- Các nhà đầu tư rút HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư rút HSDT].
- Các nhà đầu tư có văn bản đề nghị sửa đổi HSDT (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư có văn bản đề nghị sửa đổi HSDT].

d) Thông tin mở thầu

- Tên nhà đầu tư;
- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có);
- Thông tin tại đơn dự thầu về đề xuất tài chính – thương mại: giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (nếu có); vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (nếu có); nộp ngân sách nhà nước hoặc thời gian thực hiện hợp đồng hoặc tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách nhà nước (nếu có); giá trị thanh toán vốn nhà nước tối đa cho nhà đầu tư (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDT, giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết.

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập Tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được _____ [Ghi tên Bên mời thầu] _____ [ghi “thành lập” hoặc “giao nhiệm vụ”] theo Quyết định số _____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá HSDT thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

Trường hợp Bên mời thầu thuê đơn vị tư vấn đấu thầu đánh giá HSDT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu] về việc thuê tổ chức đơn vị đánh giá thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

b) Thành phần Tổ chuyên gia:

Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong Tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong Tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc của Tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của Tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của Tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong Tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

Đính kèm vào báo cáo đánh giá: Bản chụp Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tổ chuyên gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu. (trừ trường hợp thành viên tham gia tổ chuyên gia dự án PPP thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ mới).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HSDT

1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Tổ chuyên gia ghi kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSDT do Bên mời thầu thực hiện (lập theo Mẫu số 1A).

2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

a) Trên cơ sở kiểm tra các thành phần của HSDT (lập theo Mẫu số 1B), đánh giá tính hợp lệ của từng HSDT (lập theo Mẫu số 2), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

STT	Tên nhà đầu tư	Kết luận (Đáp ứng, không đáp ứng)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSDT không hợp lệ (kể cả sau khi nhà đầu tư bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có)).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư (nếu có).

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (kể cả trường hợp nhà đầu tư tự bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có))

3. Kết quả đánh giá về năng lực

a) Trên cơ sở đánh giá về năng lực của từng nhà đầu tư (lập theo Mẫu số 3A, 3B, 3C), kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

STT	Tên nhà đầu tư	Kết luận (Đáp ứng, không đáp ứng)	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu về năng lực nêu trong HSMT.

Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực của nhà đầu tư.

c) Các nội dung làm rõ HSDT nhằm chứng minh năng lực của nhà đầu tư (nếu có).

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (kể cả trường hợp nhà đầu tư tự bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có)).

4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Trên cơ sở đánh giá về kỹ thuật của từng HSDT (lập theo Mẫu số 3B hoặc 3C), kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây:

STT	Tên nhà đầu tư	Kết quả đánh giá (Ghi đáp ứng/ không đáp ứng đối với dự án sử dụng phương pháp đáp ứng/ không đáp ứng hoặc ghi số điểm đối với dự án sử dụng phương pháp chấm điểm)	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSMT (kể cả sau khi đã làm rõ HSDT (nếu có)).

Thuyết minh chi tiết về việc nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có):

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có).

5. Kết quả đánh giá về tài chính - thương mại

STT	Tên nhà đầu tư	Xếp hạng	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại nêu trong HSMT (kể cả sau khi đã làm rõ HSDT (nếu có)).

Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có).

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá (nếu có)

III. TRÌNH DUYỆT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSDT, Tổ chuyên gia trình bên mời thầu các nội dung sau đây:

1. Danh sách xếp hạng nhà đầu tư;

2. Danh sách nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại nhà đầu tư.

3. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình thì phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý.

4. Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: Nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

STT	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của Tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

Mẫu số 1A

KIỂM TRA SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN GỐC VÀ BẢN CHỤP¹

STT	Tên nhà đầu tư	Kết quả kiểm tra			Ghi chú
		Thống nhất	Không thống nhất		
			Bản gốc	Bản chụp	

Trường hợp thống nhất thì đánh dấu X vào ô "Thống nhất", trường hợp không thống nhất thì nêu rõ nội dung không thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Bên mời thầu thực hiện nội dung này.

KIỂM TRA CÁC THÀNH PHẦN CỦA HSDT

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có”.

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDT

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét ⁽³⁾	Ghi chú
		Đáp ứng	Không đáp ứng		
KẾT LUẬN⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng” (trường hợp đáp ứng sau khi bổ sung, làm rõ thì nêu rõ tại cột Ghi chú tương ứng), nếu đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng”.

(3) Đưa ra nhận xét, lý do về việc HSDT của nhà đầu tư đáp ứng hay không đáp ứng đối với mỗi tiêu chí theo yêu cầu của HSMT.

(4) HSDT được kết luận là HỢP LỆ hoặc KHÔNG HỢP LỆ theo quy định của HSMT.

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC

HSDT của nhà đầu tư:

STT	Các tiêu chí đánh giá ⁽¹⁾		Thông tin trong HSDT ⁽²⁾	Nhận xét của chuyên gia ⁽³⁾	Kết quả đánh giá ⁽⁴⁾	Ghi chú
	Mô tả	Yêu cầu để được đánh giá là đạt				
1	<i>Vốn chủ sở hữu</i>					
2	<i>Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động</i>					
3	<i>Yêu cầu về kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với dự án đã và đang thực hiện</i>					
4	<i>Yêu cầu về lịch sử bị ngừng hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư của nhà đầu tư tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển khai dự án (nếu có).</i>					
5	<i>Các chỉ tiêu tài chính khác (nếu có)</i>					
Kết luận⁽⁵⁾						

Ghi chú:

- (1) Theo tiêu chí đánh giá về năng lực quy định trong HSMT.*
 - (2) Trích dẫn các thông tin chính trong HSDT làm cơ sở đưa ra nhận xét, đánh giá.*
 - (3) Đưa ra nhận xét, lý do về việc HSDT của nhà đầu tư đáp ứng hay không đáp ứng đối với mỗi tiêu chí theo yêu cầu của HSMT.*
 - (4) Trên cơ sở nội dung "Nhận xét của chuyên gia" đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đạt” thì ghi "Đạt", nếu được đánh giá là "không đạt" thì ghi "Không đạt".*
 - (5) Nhà đầu tư được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.*
- Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có).*
-

Mẫu số 3B

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾			ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG							
KẾT LUẬN ⁽⁴⁾							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Nhà đầu tư được kết luận là ĐÁP ỨNG hoặc KHÔNG ĐÁP ỨNG theo quy định của HSMT trên cơ sở số điểm của nhà đầu tư. Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có).

Mẫu số 03C

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng phương pháp đánh giá “đạt”, “không đạt”)

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾		Thông tin trong HSDT ⁽²⁾	Nhận xét của chuyên gia ⁽³⁾	Kết quả đánh giá ⁽⁴⁾	Ghi chú
	Mô tả	Yêu cầu để được đánh giá là đạt				
Kết luận ⁽⁵⁾						

(1) Theo tiêu chí đánh giá về kỹ thuật quy định trong HSMT (gồm tiêu chuẩn chi tiết cơ bản, tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản).

(2) Trích dẫn các thông tin chính trong HSDT làm cơ sở đưa ra nhận xét, đánh giá.

(3) Đưa ra nhận xét, lý do về việc HSDT của nhà đầu tư đáp ứng hay không đáp ứng đối với mỗi tiêu chí theo yêu cầu của HSMT.

(4) Trên cơ sở nội dung "Nhận xét của chuyên gia" đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đạt” thì ghi "Đạt", nếu được đánh giá là "không đạt" thì ghi "Không đạt".

(5) Nhà đầu tư được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.

Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có).

Mẫu số 3C

ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH-THƯƠNG MẠI

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Tiêu chuẩn đánh giá ⁽¹⁾		Thông tin trong HSDT ⁽²⁾	Nhận xét của chuyên gia ⁽³⁾	Kết quả đánh giá ⁽⁴⁾	Ghi chú
	Mô tả	Yêu cầu				
Kết luận ⁽⁵⁾						

*(1): Ghi tiêu chuẩn đánh giá theo quy định của HSMT**(2) Trích dẫn các thông tin chính trong HSDT làm cơ sở đưa ra nhận xét, đánh giá.**(3) Đưa ra nhận xét, lý do về việc HSDT của nhà đầu tư đáp ứng hay không đáp ứng đối với mỗi tiêu chí theo yêu cầu của HSMT.**(4) Trên cơ sở nội dung "Nhận xét của chuyên gia" đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đáp ứng” thì ghi "Đáp ứng", nếu được đánh giá là "không đáp ứng" thì ghi "Không đáp ứng".**(5) Nhà đầu tư được kết luận là ĐÁP ỨNG hoặc KHÔNG ĐÁP ỨNG theo quy định của HSMT.**Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có).*

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3D

XÁC ĐỊNH ƯU ĐÃI

HSDT của nhà đầu tư: _____

<i>STT</i>	<i>Nhà đầu tư⁽¹⁾</i>	<i>Mức ưu đãi⁽²⁾ (M_{ƯĐ}) (%)</i>	<i>Cách tính ưu đãi⁽³⁾</i>
<i>1</i>			
<i>..</i>	<i>...</i>	<i>...</i>	

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư là đối tượng được hưởng ưu đãi khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

(2), (3) Mức ưu đãi, cách tính ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP hoặc khoản 3 Điều 13 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP.

Mẫu số 5**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HSDT**

HSDT của nhà đầu tư: _____

STT	Nội dung	Kết quả đánh giá⁽¹⁾
1	Đánh giá về năng lực	
2	Đánh giá về kỹ thuật	
3	Xếp hạng đánh giá về tài chính – thương mại	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi “Đáp ứng” hoặc “Không đáp ứng” yêu cầu của HSMT đối với nội dung đánh giá về năng lực, kỹ thuật và kết quả xếp hạng đối với nội dung đánh giá về tài chính – thương mại.

PHẦN II: DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

STT	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
I	Tài liệu phê duyệt dự án PPP	
1	Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP (nếu có); quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP (nếu có)	
2	Quyết định phê duyệt dự án PPP; Quyết định điều chỉnh dự án PPP (nếu có)	
I	Chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
1	Quyết định phê duyệt HSMT, kèm theo HSMT được duyệt	
2	Văn bản thành lập Tổ chuyên gia	
3	Quy chế làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có)	
4	Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên trong Tổ chuyên gia	
5	Bản cam kết của các thành viên Tổ chuyên gia	
II	Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư	
1	Thông báo mời thầu	
2	Văn bản yêu cầu làm rõ HSMT của nhà đầu tư (nếu có)	
3	Văn bản làm rõ HSMT (nếu có)	
4	Văn bản sửa đổi HSMT (nếu có)	
5	Biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	
6	Văn bản cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có), kèm theo thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	
7	Tài liệu xác nhận nhà đầu tư nộp HSDT	
8	Biên bản đóng thầu	
9	Biên bản mở thầu	
III	Đánh giá HSDT	
1	Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDT của các nhà đầu tư	
2	Tài liệu yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và tài liệu làm rõ HSDT của nhà đầu tư (nếu có)	
3	Các tài liệu khác có liên quan (nếu có)	

MẪU SỐ 2A
MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
HỒ SƠ MỜI THẦU DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH
*(Kèm theo Thông tư số 142/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

[TỔ THẨM ĐỊNH]
Số: _____ (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU
DỰ ÁN ĐẦU TƯ _____¹**

Dự án _____ [Ghi tên dự án²]

Kính gửi: _____ [Ghi tên cơ quan có thẩm quyền]

Trên cơ sở Tờ trình của _____ [Ghi tên Bên mời thầu/Tổ chuyên gia] về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [Ghi tên Tổ thẩm định] đã tiến hành thẩm định hồ sơ mời thầu dự án _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu dự án nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Hồ sơ mời thầu được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý³ sau đây:

- Căn cứ _____ [Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15];

- Căn cứ _____ [ghi Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và không sử dụng đất hoặc ghi Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi

¹ Ghi “có sử dụng đất” đối với dự án đầu tư có sử dụng đất phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đất đai; ghi “thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực” đối với dự án đầu tư không sử dụng đất thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực

² Ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư

³ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ đối với dự án đầu tư có sử dụng đất];

- Căn cứ ____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Tổ thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];

- Căn cứ ____ [Các văn bản có liên quan khác];

2. Khái quát về dự án

Khái quát nội dung chính của dự án

3. Tổ chức thẩm định

a) Cơ sở pháp lý thành lập Tổ thẩm định:

Tổ thẩm định được ____ [Ghi tên Cơ quan có thẩm quyền/Bên mời thầu] thành lập theo Quyết định số ____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] hoặc giao nhiệm vụ tại văn bản ____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu dự án ____ [Ghi tên dự án].

Trường hợp Cơ quan có thẩm quyền/Bên mời thầu thuê đơn vị tư vấn đấu thầu thẩm định hồ sơ mời thầu thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên cơ quan có thẩm quyền] và ____ [Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu] về việc thuê tổ chức đơn vị thẩm định hồ sơ mời thầu dự án ____ [Ghi tên dự án].

b) Thành phần Tổ thẩm định:

*Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong Tổ thẩm định tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong Tổ thẩm định	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc

Phần này nêu rõ cách thức làm việc của Tổ thẩm định, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của Tổ thẩm định thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong Tổ thẩm định có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục III báo cáo này.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: Bản chụp Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tham gia thẩm định trong Tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập hồ sơ mời thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Các quy hoạch, kế hoạch, chương trình		
	- Quy hoạch chi tiết hoặc phân khu đối với dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật về đất đai.		
2	- Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.		
	- Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch sử dụng đất cấp xã (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) theo quy định của pháp luật về đất đai.		
3	- Đối với dự án phải tổ chức đấu thầu và không sử dụng đất, quyết định thu hồi tài sản công được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (đối với dự án dự kiến sử dụng tài sản công thuộc trường hợp thu hồi).		
4	- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án		

	không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.		
5	- Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt.		
	- Quyết định thành lập Tổ thẩm định/văn bản giao nhiệm vụ/hợp đồng (nếu có) việc thuê tổ chức đơn vị thẩm định hồ sơ mời thầu ⁴ .		
6	- Các văn bản khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà Tổ thẩm định nhận được.

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà Tổ thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, Tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập hồ sơ mời thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có).

2. Nội dung của hồ sơ mời thầu

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02**.

Bảng số 02

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ - Chỉ dẫn nhà đầu tư - Bảng dữ liệu đấu thầu - Đánh giá hồ sơ dự thầu - Biểu mẫu dự thầu		

⁴ Đối với nội dung này đơn vị thẩm định/tổ thẩm định phải kiểm tra việc các thành viên Tổ chuyên gia có đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 19 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15), khoản 4 Điều 1 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP (được sửa đổi tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025) và Điều 21 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hay không.

2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN 2.1. Thông tin về dự án 2.2. Yêu cầu về thực hiện dự án - Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật - Tiêu chuẩn đánh giá về xã hội - Tiêu chuẩn đánh giá về môi trường 2.3. Yêu cầu về nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư		
3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG		

Ghi chú:

Cách điền tại **Bảng số 02**:

- Cột [2]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với.....

- Cột [3]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ quy định về pháp luật đấu thầu, pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp Nêu rõ nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp theo tại điểm b Khoản này.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp⁵

Căn cứ tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, Tổ thẩm định có ý kiến như sau:

- Nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp: ____ [ghi rõ chưa phù hợp:

+

+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án

+ So với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về đất đai, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan.

+ Nội dung khác (nếu có)].

Trường hợp có những nội dung nêu trên, Tổ thẩm định phải đưa ra đề xuất và kiến nghị theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục IV.

3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu

⁵ Trường hợp không có nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp thì ghi "Không có".

(nếu có)

- Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu;

- Tổ thẩm định nhận xét về các ý kiến này và những lưu ý cần thiết (nếu có).

4. Các nội dung liên quan khác

Tổ thẩm định nêu các nội dung liên quan khác (nếu có).

III. Ý KIẾN BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG TỔ THẨM ĐỊNH

Ghi rõ ý kiến của khác biệt, bảo lưu của thành viên tham gia thẩm định trong Tổ thẩm định và đề nghị thành viên đó ký tên vào phần bảo lưu ý kiến.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ**1. Nhận xét về nội dung hồ sơ mời thầu**

Trên cơ sở các nhận xét về hồ sơ mời thầu theo từng nội dung nêu trên, Tổ thẩm định nhận xét chung về dự thảo hồ sơ mời thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất đối với nội dung của hồ sơ mời thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

2. Kiến nghị

a) Trường hợp dự thảo hồ sơ mời thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về đất đai, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì Tổ thẩm định kiến nghị [Cơ quan có thẩm quyền/Bên mời thầu] theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của _____ [Ghi tên Bên mời thầu/Tổ chuyên gia] về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, dự thảo hồ sơ mời thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [Ghi tên Tổ thẩm định] kiến nghị _____ [Ghi tên Cơ quan có thẩm quyền/Bên mời thầu] phê duyệt hồ sơ mời thầu dự án _____ [Ghi tên dự án].

b) Trường hợp dự thảo hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan hoặc chưa đủ cơ sở phê duyệt hồ sơ mời thầu thì Tổ thẩm định đề xuất và kiến nghị biện pháp xử lý.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ [Ghi Tổ thẩm định, ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ thẩm định].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

[Tổ thẩm định]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Phụ lục
DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC
THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

Liệt kê danh mục các tài liệu Tổ thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định hồ sơ mời thầu.

Phải đính kèm báo cáo thẩm định bản cam kết và Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tham gia thẩm định trong Tổ thẩm định.

MẪU SỐ 02B
MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
HỒ SƠ MỜI THẦU DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG
THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

*(Kèm theo Thông tư số 142/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

[TÊN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]³ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có) _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

Dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên cơ quan có thẩm quyền]⁴

Trên cơ sở Tờ trình của _____ [Ghi bên mời thầu]⁵ về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [Ghi tên đơn vị thẩm định] đã tiến hành thẩm định hồ sơ mời thầu dự án _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Hồ sơ mời thầu được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý⁶ sau đây:

- Căn cứ _____ [Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15];

- Căn cứ _____ [Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư];

- Căn cứ _____ [Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện Dự án áp dụng loại hợp đồng xây dựng – chuyển giao]⁷

- Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];

- Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];

⁴ Trường hợp bên mời thầu được ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu thì ghi tên bên mời thầu.

⁵ Trường hợp bên mời thầu được ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu thì ghi tên đơn vị thuộc bên mời thầu trình phê duyệt hồ sơ mời thầu.

⁶ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

⁷ Trường hợp không phải dự án áp dụng loại hợp đồng xây dựng – chuyển giao thì bỏ phần căn cứ này

2. Khái quát về dự án

Khái quát nội dung chính của dự án

3. Đơn vị thẩm định

a) Cơ sở pháp lý thành lập đơn vị thẩm định:

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu thì ghi như sau :

Đơn vị thẩm định được ____ [Ghi tên cơ quan có thẩm quyền] giao nhiệm vụ tại văn bản ____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu dự án ____ [Ghi tên dự án].

- Trường hợp bên mời thầu được ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu thì ghi như sau:

Đơn vị thẩm định được ____ [Ghi tên bên mời thầu] thành lập theo Quyết định số ____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] hoặc giao nhiệm vụ tại văn bản ____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu dự án ____ [Ghi tên dự án].

Trường hợp bên mời thầu thuê đơn vị tư vấn đấu thầu thẩm định hồ sơ mời thầu thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Bên mời thầu] và ____ [Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu] về việc thuê tổ chức đơn vị thẩm định hồ sơ mời thầu dự án ____ [Ghi tên dự án].

b) Thành phần đơn vị thẩm định:

Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong đơn vị thẩm định tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong đơn vị thẩm định	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc

Phần này nêu rõ cách thức làm việc của đơn vị thẩm định, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của đơn vị thẩm định thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong đơn vị thẩm định có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục III báo cáo này.

II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra các tài liệu là căn cứ để lập hồ sơ mời thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định chủ trương đầu tư đầu tư dự án PPP (nếu có); quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP (nếu có). - Quyết định phê duyệt dự án PPP ; quyết định điều chỉnh dự án (nếu có).		
2	Kết quả đàm phán, trao đổi về dự thảo hồ sơ mời thầu (đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh) quy định tại khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 243/2025/NĐ-CP (nếu có).		
3	Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP (nếu có), báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP và các tài liệu liên quan.		
4	Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà đơn vị thẩm định nhận được.

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà đơn vị thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng**

số 01, đơn vị thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập hồ sơ mời thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có).

2. Nội dung của hồ sơ mời thầu

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02**.

Bảng số 02

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ - Chỉ dẫn nhà đầu tư - Bảng dữ liệu đấu thầu - Đánh giá hồ sơ dự thầu - Biểu mẫu dự thầu		
2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN 2.1. Thông tin về dự án 2.2. Yêu cầu về thực hiện dự án - Yêu cầu về kỹ thuật, chương trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp - Yêu cầu về phương thức tổ chức vận hành, quản lý và kinh doanh - Yêu cầu về môi trường và an toàn - Yêu cầu về tài chính - thương mại của dự án		
3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG		

Ghi chú:

Cách điền tại **Bảng số 02**:

- Cột [2]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, pháp luật liên quan; phù hợp với.....

- Cột [3]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ quy định về pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp
 Nêu rõ nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp theo tại điểm b Khoản này.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp⁸

Căn cứ tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, đơn vị thẩm định có ý kiến như sau:

- Nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp: ____ [*ghi rõ chưa phù hợp:*
- + Với quy mô, mục tiêu, phạm vi công việc, thời gian thực hiện của dự án;
- + Nội dung làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng (nếu có);
- + So với quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan.
- + Nội dung khác (nếu có)].

Trường hợp có những nội dung nêu trên, đơn vị thẩm định phải đưa ra đề xuất và kiến nghị theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục IV.

3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu (nếu có)

- Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu;
- Đơn vị thẩm định nhận xét về các ý kiến này và những lưu ý cần thiết (nếu có).

4. Các nội dung liên quan khác

Đơn vị thẩm định nêu các nội dung liên quan khác (nếu có).

III. Ý KIẾN BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

Ghi rõ ý kiến của khác biệt, bảo lưu của thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định và đề nghị thành viên đó ký tên vào phần bảo lưu ý kiến.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung hồ sơ mời thầu

Trên cơ sở các nhận xét về hồ sơ mời thầu theo từng nội dung nêu trên, đơn vị thẩm định nhận xét chung về dự thảo hồ sơ mời thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất đối với nội dung của hồ sơ mời thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

2. Kiến nghị

a) Trường hợp dự thảo hồ sơ mời thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì đơn vị thẩm định kiến nghị cơ quan có thẩm quyền theo nội dung dưới đây:

⁸ Trường hợp không có nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp thì ghi "Không có".

Trên cơ sở tờ trình của _____ *[Ghi tên bên mời thầu]*⁹ về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, dự thảo hồ sơ mời thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ *[Ghi tên đơn vị thẩm định]* kiến nghị _____ *[Ghi tên cơ quan có thẩm quyền]* phê duyệt hồ sơ mời thầu của dự án _____ *[Ghi tên dự án]*.

b) Trường hợp dự thảo hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật liên quan hoặc chưa đủ cơ sở phê duyệt hồ sơ mời thầu thì đơn vị thẩm định đề xuất và kiến nghị biện pháp xử lý.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ *[Ghi đơn vị thẩm định/tổ thẩm định, trường hợp là tổ thẩm định phải ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ thẩm định]*.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

[Đơn vị thẩm định]

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

⁹ Trường hợp bên mời thầu được ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu thì ghi tên tổ thẩm định hoặc đơn vị trực thuộc bên mời thầu.

Phụ lục
DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC
THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

Liệt kê danh mục các tài liệu đơn vị thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định hồ sơ mời thầu.

Phải đính kèm báo cáo thẩm định Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định (trong trường hợp thuê tư vấn thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP).

MẪU SỐ 2C
MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

**(Đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi,
đấu thầu hạn chế)**

*(Kèm theo Thông tư số 142/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

thuộc _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên người có thẩm quyền]

Trên cơ sở Tờ trình số _____ [Ghi số hiệu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư] ngày _____ [Ghi thời gian văn bản trình duyệt] của _____ [Ghi tên Bên mời thầu] đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của dự án _____ [Ghi tên dự án] và các tài liệu liên quan kèm theo;

Kết quả thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN**1. Căn cứ pháp lý**

Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý¹ sau đây:

- Căn cứ _____ [Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15];

- Căn cứ _____ [ghi Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và không sử dụng đất hoặc ghi Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ đối với dự án đầu tư có sử dụng đất];

- Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];

- Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];

¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

2. Khái quát về dự án

Khái quát nội dung chính của dự án, các cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà đầu tư.

3. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà đầu tư

Phần này nêu tóm tắt toàn bộ quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư từ lựa chọn danh sách ngắn (nếu có) đến khi trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư và đề nghị của Tổ chuyên gia về kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

4. Tổ chức thẩm định

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ thẩm định:

Tổ thẩm định được ____ [Ghi tên người có thẩm quyền] thành lập theo Quyết định số ____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] hoặc giao nhiệm vụ tại văn bản ____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư của dự án ____ [Ghi tên dự án].

b) Thành phần tổ thẩm định²:

*Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ thẩm định tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ thẩm định	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc

Phần này nêu rõ cách thức làm việc của tổ thẩm định, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ thẩm định thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ thẩm định có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: Bản chụp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên trong tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Kiểm tra các tài liệu là căn cứ của việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

a) Tổng hợp kết quả kiểm tra các tài liệu là căn cứ của việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

² Trường hợp người có thẩm quyền quyết định thành lập tổ thẩm định gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc thì số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ thẩm định. Trường hợp tổ thẩm định là cơ quan, tổ chức, đơn vị được người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thẩm định thì bỏ điểm b.

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (trường hợp dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) - Văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh (trường hợp dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)		
2	Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư		
3	- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu - Quyết định phê duyệt sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có)		
4	Quyết định thành lập Tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu ³		
5	Báo cáo đánh giá do Tổ chuyên gia thực hiện		
6	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ thẩm định nhận được.

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

*Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý và những lưu ý cần thiết.*

³ Đối với nội dung này tổ thẩm định phải kiểm tra việc các thành viên Tổ chuyên gia có đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 19 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15) và Điều 19 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hay không.

2. Kiểm tra việc tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư:

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện ⁴	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
1	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản phê duyệt thông tin dự án	<i>[Ghi ngày phê duyệt và ngày đăng tải Quyết định phê duyệt/Văn bản thông tin phê duyệt]</i>		
2	Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư	<i>[Ghi ngày phê duyệt và ngày đăng tải Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư]</i>		
3	Thông báo mời thầu	<i>[Ghi ngày đăng tải thông báo mời thầu]</i>		
4	Thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu	<i>[Ghi thời điểm thực tế phát hành hồ sơ mời thầu; ghi số ngày chuẩn bị hồ sơ dự thầu: từ ngày đăng tải thông báo mời thầu đến ngày có thời điểm đóng thầu]</i>		
5	Thời gian tổ chức hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	<i>[Ghi thời gian bắt đầu, kết thúc, địa điểm thực tế tổ chức hội nghị tiền đấu thầu]</i>		
6	Thời gian yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà đầu tư (nếu có)	<i>[Ghi thời gian thực tế yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà đầu tư, số lần yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu]</i>		
7	Thời gian làm rõ hồ sơ mời thầu của bên mời thầu (nếu có)	<i>[Ghi thời gian thực tế làm rõ hồ sơ mời thầu]</i>		
8	Thời gian sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có)	<i>[Ghi thời gian thực tế sửa đổi hồ sơ mời thầu]</i>		

⁴ Đối với các nội dung đăng tải trên Hệ thống phải lấy theo thời gian đăng tải thực tế trên Hệ thống

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện ⁴	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
9	Thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi thời điểm đóng thầu]</i>		
10	Gia hạn thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi cụ thể số ngày gia hạn, thời điểm đóng thầu mới được gia hạn]</i>		
11	Mở thầu	<i>[Ghi thời gian hoàn thành mở thầu Đối với dự án áp dụng phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ, cần nêu rõ: - thời gian hoàn thành mở hồ sơ để xuất về kỹ thuật; - thời gian hoàn thành mở hồ sơ để xuất về tài chính]</i>		
12	Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu	<i>[Ghi thời gian thực tế đánh giá hồ sơ dự thầu từ ngày mở thầu đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư so với thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu được phê duyệt tại Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư] Tổng số ngày đánh giá:]</i>		

Ghi chú:

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b khoản này, nêu rõ mục, điều, khoản, điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, tổ thẩm định đưa ra ý kiến về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (đặc biệt là những vi phạm về thời gian được quy định trong Luật Đấu thầu, Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, Nghị định số 23/2024/NĐ-CP, Nghị định số 225/2025/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn) và những lưu ý cần thiết.

Đối với các nội dung (5), (6), (7), (8) trường hợp nhà đầu tư có phản ánh, kiến nghị về các nội dung này, tổ thẩm định phải ghi rõ nội dung phản ánh, kiến nghị và có ý kiến về các nội dung này.

3. Kiểm tra việc đánh giá hồ sơ dự thầu; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu

a) Tổng hợp kết quả kiểm tra về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu:

Kết quả kiểm tra về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]
I	Việc đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia so với yêu cầu, phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá quy định tại hồ sơ mời thầu		
1	Nội dung đánh giá về tính hợp lệ		
2	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu		
2.1	Nội dung đánh giá về năng lực		
2.2	Nội dung đánh giá về về phương án đầu tư kinh doanh		
2.3	Nội dung đánh giá về hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương		
2.4	Nội dung đánh giá về điểm tổng hợp về năng lực, kinh nghiệm, phương án đầu tư kinh doanh và hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương		
II	Việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu pháp luật đất đai, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu được duyệt.

- Cột [3] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá được duyệt. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định trong hồ sơ mời thầu.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 03**, tổ thẩm định đưa ra ý kiến về nội dung chưa phù hợp và những lưu ý cần thiết, bao gồm:

- Kết quả đánh giá;
- Danh sách nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà đầu tư;
- Nhận xét về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Nhận xét về đề xuất biện pháp xử lý của Tổ chuyên gia trong trường hợp này;
- Nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có); nhận xét về đề xuất biện pháp xử lý của Tổ chuyên gia trong trường hợp này;
- Đề xuất biện pháp xử lý đối với trường hợp phát hiện sự không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu;
- Đề xuất biện pháp giải quyết đối với những trường hợp chưa đủ cơ sở kết luận về kết quả lựa chọn nhà đầu tư
- Nội dung chưa tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu (nếu có);
- Ý kiến khác (nếu có).

4. Xem xét những ý kiến khác nhau giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia; giữa các cá nhân trong tổ chuyên gia (nếu có)

a) Tổng hợp các ý kiến ý kiến khác nhau giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia; giữa các cá nhân trong tổ chuyên gia của các thành viên Tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác nhau giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia; giữa các cá nhân trong tổ chuyên gia của các thành viên Tổ chuyên gia (nếu có).

b) Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác nhau nêu trên (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ thẩm định về ý kiến khác nhau nêu trên (nếu có)

IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG TỔ THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)⁵

Ghi rõ ý kiến của khác biệt, bảo lưu của thành viên tham gia thẩm định trong tổ thẩm định và đề nghị thành viên đó ký tên vào phần bảo lưu ý kiến.

V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ý kiến thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

Bảng số 04

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
	[1]	[2]	[3]
1	Các tài liệu là căn cứ của việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư		
2	Việc tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư		
3	Việc đánh giá hồ sơ dự thầu		
3.1	Nội dung đánh giá về năng lực		
3.2	Nội dung đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh		
3.3	Nội dung đánh giá về hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương		
3.4	Nội dung đánh giá về điểm tổng hợp về năng lực, phương án đầu tư kinh doanh và hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.		
4	Việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu;		

⁵ Trường hợp tổ thẩm định là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định thì bỏ mục này.

Ghi chú:

Trường hợp tổ thẩm định thống nhất với nội dung tại cột [1] thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [2]; trường hợp không thống nhất thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [3].

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ**1. Nhận xét**

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- Về cơ sở pháp lý;
- Về kết quả đánh giá ;
- Về việc đáp ứng mục tiêu bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;
- Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở đề nghị của Tổ chuyên gia về kết quả lựa chọn nhà đầu tư và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [Ghi tên tổ thẩm định] kiến nghị _____ [Ghi tên người có thẩm quyền] phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của dự án _____ [Ghi tên dự án] theo các nội dung sau:

- Tên nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu: [Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp đấu thầu quốc tế) của nhà đầu tư];
- Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất trong đơn dự thầu (hoặc Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương);
- Các nội dung kiến nghị cần lưu ý (nếu có).

Trường hợp tổ thẩm định không thống nhất với đề nghị của Tổ chuyên gia hoặc chưa có đủ cơ sở kết luận về kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện dự án để người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Các ý kiến khác (nếu có).

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ [Ghi tên cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định]⁶

⁶ Trường hợp người có thẩm quyền quyết định thành lập tổ thẩm định gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

[Tổ thẩm định]

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]*

Phụ lục**DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN
VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

Liệt kê danh mục các tài liệu tổ thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Phải đính kèm báo cáo thẩm định bản cam kết và Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tham gia thẩm định trong tổ thẩm định (trong trường hợp người có thẩm quyền quyết định thành lập tổ thẩm định gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc)

MẪU SỐ 2D
MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

(Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư)
*(Kèm theo Thông tư số 142/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

[TÊN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

thuộc _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên cơ quan có thẩm quyền]¹

Trên cơ sở Tờ trình số [Ghi số hiệu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư] ngày ____ [Ghi thời gian văn bản trình duyệt] của ____ [Ghi tên Bên mời thầu]² đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của dự án ____ [Ghi tên dự án] và các tài liệu liên quan kèm theo;

Kết quả thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý³ sau đây:

- Căn cứ ____ [Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15];

- Căn cứ ____ [Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư];

- Căn cứ ____ [Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện Dự án áp dụng loại hợp đồng xây dựng – chuyển giao]⁴;

- Căn cứ ____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];

- Căn cứ ____ [Các văn bản có liên quan khác];

¹ Sửa thành tên bên mời thầu trong trường hợp Bên mời thầu được ủy quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

² Sửa thành tên đơn vị trực thuộc bên mời thầu trong trường hợp Bên mời thầu được ủy quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

³ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

⁴ Trường hợp không phải dự án áp dụng loại hợp đồng xây dựng – chuyển giao thì bỏ căn cứ này

2. Khái quát về dự án

Khái quát nội dung chính của dự án, các cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà đầu tư.

3. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà đầu tư

Phần này nêu tóm tắt toàn bộ quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư từ lựa chọn danh sách ngắn (nếu có) đến khi trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư và đề nghị của Tổ chuyên gia về kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

4. Tổ chức thẩm định

a) Cơ sở pháp lý thành lập đơn vị thẩm định:

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì ghi như sau :

Đơn vị thẩm định được ____ [*Ghi tên cơ quan có thẩm quyền*] thành lập theo Quyết định số ____ [*Ghi số và ngày ban hành văn bản*] hoặc giao nhiệm vụ tại văn bản ____ [*Ghi số và ngày ban hành văn bản*] để thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư của dự án ____ [*Ghi tên dự án*].

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho bên mời thầu phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì ghi như sau :

Đơn vị thẩm định được ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] thành lập theo Quyết định số ____ [*Ghi số và ngày ban hành văn bản*] hoặc giao nhiệm vụ tại văn bản ____ [*Ghi số và ngày ban hành văn bản*] để thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư của dự án ____ [*Ghi tên dự án*].

Trường hợp thuê đơn vị tư vấn đấu thầu thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số ____ [*Ghi số hiệu hợp đồng*] ngày ____ [*Ghi thời gian ký hợp đồng*] giữa ____ [*Ghi tên cơ quan, đơn vị thuê tư vấn thẩm định*] và ____ [*Ghi tên đơn vị tư vấn đấu thầu*] về việc thuê tổ chức đơn vị thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư của dự án ____ [*Ghi tên dự án*].

b) Thành phần đơn vị thẩm định:

*Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong đơn vị thẩm định tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong đơn vị thẩm định	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc

Phần này nêu rõ cách thức làm việc của đơn vị thẩm định, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của đơn vị thẩm định thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong đơn vị thẩm định có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: Bản chụp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên trong đơn vị thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu (trong trường hợp thuê tổ chức tư vấn để thẩm định).

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Kiểm tra các tài liệu là căn cứ của việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có) - Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Quyết định điều chỉnh dự án (nếu có) - Quyết định phê duyệt dự án PPP		
2	Quyết định phê duyệt danh sách ngắn (nếu có)		
3	- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu - Quyết định phê duyệt sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có)		
4	Quyết định thành lập Tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu ⁵		
5	Báo cáo đánh giá do Tổ chuyên gia thực hiện		
6	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các		

⁵ Đối với nội dung này đơn vị thẩm định phải kiểm tra việc các thành viên Tổ chuyên gia có đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP hay không.

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	văn bản về xử lý tình huống (nếu có)		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà đơn vị thẩm định nhận được.

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà đơn vị thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, đơn vị thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý và những lưu ý cần thiết.

2. Kiểm tra việc tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư:

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện ⁶	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
1	Quyết định chủ trương đầu tư	[Ghi ngày phê duyệt và ngày đăng tải Quyết định phê duyệt]		
2	Thông báo mời thầu	[Ghi ngày đăng tải thông báo mời thầu]		
3	Thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ	[Ghi thời điểm thực tế phát hành hồ sơ mời thầu; ghi số ngày chuẩn bị hồ sơ dự thầu: từ ngày đăng tải thông báo mời thầu đến ngày có]		

⁶ Đối với các nội dung đăng tải trên Hệ thống phải lấy theo thời gian đăng tải thực tế trên Hệ thống

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện ⁶	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	dự thầu	<i>thời điểm đóng thầu]</i>		
4	Thời gian tổ chức hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	<i>[Ghi thời gian bắt đầu, kết thúc, địa điểm thực tế tổ chức hội nghị tiền đấu thầu]</i>		
5	Thời gian yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà đầu tư (nếu có)	<i>[Ghi thời gian thực tế yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà đầu tư, số lần yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu]</i>		
6	Thời gian làm rõ hồ sơ mời thầu của bên mời thầu nếu có)	<i>[Ghi thời gian thực tế làm rõ hồ sơ mời thầu]</i>		
7	Thời gian sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có)	<i>[Ghi thời gian thực tế sửa đổi hồ sơ mời thầu]</i>		
8	Thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi thời điểm đóng thầu]</i>		
9	Gia hạn thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi cụ thể số ngày gia hạn, thời điểm đóng thầu mới được gia hạn]</i>		
10	Mở thầu	<i>[Ghi thời gian hoàn thành mở thầu Đối với dự án áp dụng phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ, cần nêu rõ: - thời gian hoàn thành mở hồ sơ để xuất về kỹ thuật; - thời gian hoàn thành mở hồ sơ để xuất về tài chính]</i>		
11	Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu	<i>[Ghi thời gian thực tế đánh giá hồ sơ dự thầu từ ngày mở thầu đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư so với thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu được phê duyệt tại Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư] Tổng số ngày đánh giá:]</i>		

Ghi chú:

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP.

- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, đơn vị thẩm định đưa ra ý kiến về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (đặc biệt là những vi phạm về thời gian được quy định trong Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, Nghị định số 257/2025/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn) và những lưu ý cần thiết.

Đối với các nội dung (5), (6), (7), (8) trường hợp nhà đầu tư có phản ánh, kiến nghị về các nội dung này, đơn vị thẩm định phải ghi rõ nội dung phản ánh, kiến nghị và có ý kiến về các nội dung này.

3. Kiểm tra việc đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia so với yêu cầu, phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá quy định tại hồ sơ mời thầu; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu:

a) Kết quả kiểm tra về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]
I	Việc đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia so với yêu cầu, phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá quy định tại hồ sơ mời thầu		
1	Nội dung đánh giá về tính hợp lệ		
2	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu		
2.1	Nội dung đánh giá về năng lực		
2.2	Nội dung đánh giá chi tiết về kỹ thuật		
2.3	Nội dung đánh giá chi tiết về tài chính - thương mại		
II	Việc tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp		

	luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu		
--	--	--	--

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu được duyệt.

- Cột [3] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá được duyệt. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định trong hồ sơ mời thầu.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 03**, đơn vị thẩm định đưa ra ý kiến về nội dung chưa phù hợp và những lưu ý cần thiết, bao gồm:

- Kết quả đánh giá;
- Danh sách nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà đầu tư;
- Nhận xét về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Nhận xét về đề xuất biện pháp xử lý của Tổ chuyên gia trong trường hợp này;
- Nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có); nhận xét về đề xuất biện pháp xử lý của Tổ chuyên gia trong trường hợp này;
- Đề xuất biện pháp xử lý đối với trường hợp phát hiện sự không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu;
- Đề xuất biện pháp giải quyết đối với những trường hợp chưa đủ cơ sở kết luận về kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
- Nội dung chưa tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Ý kiến khác (nếu có).

3. Xem xét những ý kiến khác nhau giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia; giữa các cá nhân trong tổ chuyên gia (nếu có)

a) Tổng hợp các ý kiến ý kiến khác nhau giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia; giữa các cá nhân trong tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác nhau giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia; giữa các cá nhân trong tổ chuyên gia (nếu có).

b) Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác nhau nêu trên (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của đơn vị thẩm định về ý kiến khác nhau nêu tại điểm a khoản 3 Mục III (nếu có).

III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

Ghi rõ ý kiến của khác biệt, bảo lưu của thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định và đề nghị thành viên đó ký tên vào phần bảo lưu ý kiến.

IV. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ý kiến thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

Bảng số 04

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thông nhất	Không thông nhất
	[1]	[2]	[3]
1	Các tài liệu là căn cứ của việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư		
2	Việc đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia so với yêu cầu, phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá quy định tại hồ sơ mời thầu		
3	Việc đánh giá hồ sơ dự thầu		
3.1	Nội dung đánh giá về năng lực		
3.2	Nội dung đánh giá chi tiết về kỹ thuật		
3.3	Nội dung đánh giá chi tiết về tài chính - thương mại		
4	Việc tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu		

Ghi chú:

Trường hợp đơn vị thẩm định thống nhất với nội dung tại cột [1] thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [2]; trường hợp không thống nhất thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [3].

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, đơn vị thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- Về cơ sở pháp lý;
- Về kết quả đánh giá ;
- Về việc đáp ứng mục tiêu bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư
- Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở đề nghị của Bên mời thầu/tổ chuyên gia⁷ về kết quả lựa chọn nhà đầu tư và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [Ghi tên đơn vị thẩm định] kiến nghị _____ [Ghi tên cơ quan có thẩm quyền/Bên mời thầu] phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của dự án _____ [Ghi tên dự án] theo các nội dung sau:

- Tên dự án, địa điểm và quy mô của dự án;
- Tên nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu: [Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp lựa chọn nhà đầu tư quốc tế) của nhà đầu tư];
- Loại hợp đồng;
- Giá trị đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu;
- Các nội dung kiến nghị cần lưu ý (nếu có).

Trường hợp đơn vị thẩm định không thống nhất với đề nghị của Tổ chuyên gia hoặc chưa có đủ cơ sở kết luận về kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện dự án để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Các ý kiến khác (nếu có).

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: ____ [Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của

⁷ Ghi tên đơn vị trực thuộc Bên mời thầu trong trường hợp Bên mời thầu được ủy quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

từng thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

[Đơn vị thẩm định]

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]*

Phụ lục**DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN
VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

Liệt kê danh mục các tài liệu đơn vị thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Phải đính kèm báo cáo thẩm định bản cam kết và Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định (trong trường hợp thuê tư vấn thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP).

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 142/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Phụ lục 1: Biên bản đóng thầu

Phụ lục 2A: Biên bản mở thầu (đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ và dự án PPP)

Phụ lục 2B: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 2C: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 3: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Phụ lục 4: Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Phụ lục 5: Bản cam kết

Phụ lục 1**[TÊN BÊN MỜI THẦU]****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN ĐÓNG THẦU⁽¹⁾**A. CÁC THÔNG TIN CHUNG**I. Tên dự án: ____ [*Ghi tên dự án*].

II. Bên mời thầu và các nhà đầu tư nộp HSDT:

1. Bên mời thầu : ____

2. Danh sách các nhà đầu tư nộp HSDT tính đến thời điểm đóng thầu:

Stt	Tên nhà đầu tư	Địa chỉ	Số điện thoại, fax	Tình trạng niêm phong	Ghi chú

3. Các nhà đầu tư có văn bản đề nghị rút, thay thế, sửa đổi, bổ sung HSDT (nếu có): ____ [*Ghi tên, địa chỉ của nhà đầu tư*].**B. CÁC THÔNG TIN KHÁC (NẾU CÓ)**Thời điểm đóng thầu: ____ [*ghi thời điểm đóng thầu*] tại ____ [*ghi địa điểm đóng thầu*].

Chữ ký của Bên mời thầu _____

[Đại diện Bên mời thầu ký tên, đóng dấu (nếu có)].

Phụ lục 2A**[TÊN BÊN MỜI THẦU]****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BIÊN BẢN MỞ THẦU

(áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc _____ [Ghi thời điểm mở thầu] tại _____ [Ghi địa điểm mở thầu].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án].

III. Danh sách nhà đầu tư

1. Các nhà đầu tư nộp HSDT theo đúng quy định: _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư].

2. Các nhà đầu tư nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].

3. Các nhà đầu tư có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ THẦU

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà đầu tư A	Nhà đầu tư B	...
1.	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2.	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3.	Bản gốc HSDT			
4.	Số lượng bản chụp HSDT			
5.	Thời gian có hiệu lực của HSDT (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDT nêu trong đơn dự thầu)			
6.	a) Tên nhà đầu tư; b) Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có); c) Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong đơn dự thầu đối với dự án đầu tư kinh doanh;			

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà đầu tư A	Nhà đầu tư B	...
	d) Giá trị về tài chính – thương mại do nhà đầu tư đề xuất đối với dự án PPP; đ) Đề xuất tăng hoặc giảm của giá trị quy định tại điểm c hoặc điểm đ Mục này (nếu có).			
7.	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu.			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở thầu (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [*Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)*].

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở thầu kết thúc vào: _____ [*Ghi thời điểm kết thúc lễ mở thầu*]

Chữ ký của đại diện *Bên mời thầu* và các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu:

Ghi chú:

Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDT. Việc mở thầu tuân thủ theo quy định của Luật Đấu thầu (đối với dự án đầu tư kinh doanh) và Luật PPP (đối với dự án PPP) và các Nghị định quy định chi tiết.

Phụ lục 2B

[TÊN BÊN MỜI THẦU] CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

(đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc _____ [Ghi thời điểm mở thầu] tại _____
 [Ghi địa điểm mở thầu].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án].

II. Danh sách nhà đầu tư

1. Các nhà đầu tư nộp HSDT theo đúng quy định: _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư].

2. Các nhà đầu tư nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____
 [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].

3. Các nhà đầu tư có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có):
 _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà đầu tư có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSDXKT

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà đầu tư A	Nhà đầu tư B	...
1	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3	Bản gốc HSDXKT			
4	Số lượng bản chụp HSDXKT			
5	Thời gian có hiệu lực của HSDXKT (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDXKT nêu trong đơn dự thầu)			
6	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu			
8	Tình trạng niêm phong của HSDXTC			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSDXKT (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)].

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSDXKT kết thúc vào: _____ [*Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSDXKT*].

Chữ ký của đại diện *Bên mời thầu* và các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDXKT:

Ghi chú:

Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng HSDXKT.

HSDXTC của tất cả các nhà đầu tư phải được Bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của Bên mời thầu, nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu ký niêm phong.

Việc mở HSDXKT tuân thủ theo quy định của Luật Đấu thầu và các Nghị định quy định chi tiết.

Phụ lục 2C

[TÊN BÊN MỜI THẦU] CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

(đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở HSDXTC được bắt đầu vào lúc _____ [Ghi thời điểm mở HSDXTC] tại _____ [Ghi địa điểm mở HSDXTC].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án].

II. Danh sách nhà đầu tư tham dự: _____ [Ghi tên các nhà đầu tư].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSDXTC

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà đầu tư A	Nhà đầu tư B	...
1	Tình trạng niêm phong của HSDXTC			
2	Bản gốc HSDXTC			
3	Số lượng bản chụp HSDXTC			
4	a) Tên nhà đầu tư; b) Số lượng bản gốc, bản chụp HSDXTC, HSDXTC sửa đổi (nếu có) hoặc HSDXTC thay thế (nếu có); c) Thời gian có hiệu lực của HSDXTC; d) Giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; đ) Các thông tin liên quan khác (nếu có).			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSDXTC (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)].

Bản chụp biên bản mở HSDXTC được gửi đến tất cả các bên tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSDXTC kết thúc vào: _____ [Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSDXTC].

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDXTC:

Ghi chú:

Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của HSDXTC.

Việc mở HSDXTC tuân thủ theo quy định của Luật Đấu thầu và các Nghị định quy định chi tiết.

Phụ lục 3**[GHI TÊN BÊN MỜI THẦU]****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____ / _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH**V/v đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư
Dự án _____ [ghi tên Dự án]**Kính gửi: [ghi tên Người có thẩm quyền]¹**1. Căn cứ pháp lý**

Nêu các căn cứ pháp lý có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư.
Bao gồm:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (nếu có), quyết định phê duyệt dự án đối với dự án PPP;

- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu.

2. Tóm tắt nội dung đánh giá

a) Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu;

b) Danh sách nhà đầu tư được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà đầu tư.

c) Danh sách nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà đầu tư;

d) Tên nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu

e) Căn cứ vào loại dự án (dự án đầu tư kinh doanh hay dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư), bên mời thầu ghi thông tin:

- Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về tài chính - thương mại (trường hợp dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư)

- Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất/Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương (trường hợp dự án đầu tư kinh doanh).

g) Loại hợp đồng (đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư);

g) Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

¹ Trường hợp dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì ghi tên cơ quan có thẩm quyền.

h) Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.

3. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu tóm tắt quá trình thực hiện theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư	
2	Mời thầu	
2.1	Đăng tải TBMT và phát hành HSMT	[ghi và thời điểm đăng tải]
2.2	Làm rõ HSMT (nếu có)	[Ghi ngày làm rõ, số văn bản làm rõ (nếu có) của văn bản yêu cầu làm rõ của nhà đầu tư và văn bản làm rõ HSMT của Bên mời thầu]
2.3	Sửa đổi HSMT (nếu có)	[Ghi thời gian, số, ngày ban hành văn bản sửa đổi]
2.4	Thời điểm đóng thầu	[Ghi thời điểm đóng thầu]
3	Mở thầu	
3.1	Thời gian mở thầu	[Ghi thời gian hoàn thành mở thầu]
3.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	[Ghi các vấn đề và cách xử lý]
4	Đánh giá HSDT (đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ và dự án đầu tư theo phương thức PPP)	
	Thời gian đánh giá HSDT	[Ghi thời gian đánh giá, HSDT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]
5	Đánh giá HSDT (đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ)	
5.1	Thời gian đánh giá HSDXKT	[Ghi thời gian đánh giá, HSDXKT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm tổ chuyên gia trình bên mời thầu phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật]
5.2	Thời gian đánh giá HSDXTC	[Ghi thời gian đánh giá, HSDXTC từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]

b) Các vấn đề trong quá trình đánh giá HSDT, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;

c) Kết luận của tổ chuyên gia về danh sách nhà đầu tư vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;

d) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

đ) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSDT với nhà đầu tư _____ [ghi tên nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu], _____ [ghi tên Bên mời thầu] kiến nghị _____ [ghi tên Người có thẩm quyền]² phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án _____ [ghi tên dự án] với các nội dung sau:

4.1. Thông tin nhà đầu tư trúng thầu:

* Trường hợp là dự án đầu tư kinh doanh thì ghi như sau

STT	Tên nhà đầu tư	Mã số thuế	Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả sử dụng đất/Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương	Các nội dung khác (nếu có)
	[Bên mời thầu điền thông tin]	[Bên mời thầu điền thông tin]	[Bên mời thầu điền thông tin]	[Bên mời thầu điền thông tin]

* Trường hợp dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì ghi như sau

STT	Tên nhà đầu tư	Mã số thuế	Loại hợp đồng	Giá trị đề xuất về tài chính - thương mại	Các nội dung khác (nếu có)
	[Bên mời thầu điền thông tin]	[Bên mời thầu điền thông tin]	[Bên mời thầu điền thông tin]	[Bên mời thầu điền thông tin]	[Bên mời thầu điền thông tin]

- Tài liệu gửi kèm theo: báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia, , tờ trình và các tài liệu khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức/đơn vị thẩm định (để thẩm định);
- Lưu: VT,

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MỜI THẦU

(ký tên, đóng dấu (nếu có))

² Trường hợp dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì ghi tên cơ quan có thẩm quyền.

Phụ lục 4**Mẫu số 01****[TÊN CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN]****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc****QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư
dự án[ghi tên dự án đầu tư kinh doanh]****[GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ³;

[Nêu các căn cứ pháp lý như: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) Quyết định phê duyệt HSMT, Báo cáo đánh giá HSĐT; các văn bản khác có liên quan...]

Xét đề nghị của Bên mời thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên dự án:[ghi tên dự án đầu tư kinh doanh]
- b) Tên nhà đầu tư trúng thầu; tên tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập (nếu có)[ghi tên nhà đầu tư, tổ chức kinh tế (nếu có)]
- c) Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất

Ghi một trong các thông tin theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 19 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, cụ thể:

Đối với dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực:

³ Trường hợp dự án tổ chức đấu thầu theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực thì sửa thành “Căn cứ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 và Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ”

Ghi một trong các thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 18 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao[ghi tên Bên mời thầu] căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với nhà đầu tư.

- Nội dung cần thiết khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.[ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (....)

- Lưu: VT, BMT, TCG(....).

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

[Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký]

Phụ lục 4**Mẫu số 02**

[GHI TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN] **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư
dự án[ghi tên dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư]

[TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN]

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện Dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao;

[Nêu các căn cứ pháp lý như: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (nếu có); Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt HSMT, Báo cáo đánh giá HSDT; các văn bản khác có liên quan...]

Xét đề nghị của Bên mời thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên dự án:[ghi tên dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư];
- b) Tên nhà đầu tư trúng thầu:[ghi tên nhà đầu tư, tổ chức kinh tế (nếu có)];
- c) Giá trị đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư được đề nghị lựa chọn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao[ghi tên bên mời thầu] căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức đàm phán, hoàn thiện hợp đồng.
- Nội dung cần thiết khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.[ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (....)
- Lưu: VT, BMT, TCG(....).

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN**

[Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký]

Phụ lục 5
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢN CAM KẾT
(đối với thành viên Tổ chuyên gia)

Tôi tên là: _____ *[Ghi tên thành viên tham gia tổ chuyên gia]*

Địa chỉ: _____ *[Ghi rõ địa chỉ]*

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ *[Ghi số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, cơ quan cấp]*

Là thành viên của tổ chuyên gia *[Ghi nội dung, ví dụ: lập hồ sơ mời quan tâm/hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đăng ký thực hiện dự án]* dự án *[Ghi tên dự án]* theo _____ *[ghi rõ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao hoặc hợp đồng thuê tư vấn]*.

Tôi cam kết như sau:

- Đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP⁴;

- Lập/Đánh giá *[Ghi nội dung tham gia lập, đánh giá, ví dụ: hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án]* trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên;

- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 80 Luật Đấu thầu⁵.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người cam kết

[Ký, ghi rõ họ tên]

⁴ Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì sửa thành “Đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP”.

⁵ Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì sửa thành “Chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢN CAM KẾT
(đối với thành viên Tổ thẩm định/Đơn vị thẩm định)

Tôi tên là: _____ *[Ghi tên thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định]*

Địa chỉ: _____ *[Ghi rõ địa chỉ]*

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ *[Ghi số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, cơ quan cấp]*

Là thành viên tham gia thẩm định *[Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: hồ sơ mời quan tâm/hồ sơ mời thầu; kết quả lựa chọn nhà đầu tư]* dự án *[Ghi tên dự án]* theo ____ *[ghi rõ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao hoặc hợp đồng thuê tư vấn]*.

Tôi cam kết như sau:

- Đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP⁶;

- Thẩm định *[Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: hồ sơ mời quan tâm/hồ sơ mời thầu; kết quả lựa chọn nhà đầu tư]* trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên;

- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 81 Luật Đấu thầu⁷.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người cam kết

[Ký, ghi rõ họ tên]

⁶ Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trường hợp thuê tư vấn thì sửa thành “Đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP”.

⁷ Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trường hợp thuê tư vấn thì sửa thành- “Chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP”.